

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 111/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 13 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020
tỉnh Phú Yên nguồn vốn cân đối ngân sách tỉnh**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Xét Tờ trình số 63/TTr-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 của tỉnh Phú Yên nguồn vốn cân đối ngân sách tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 tỉnh Phú Yên tại Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 tỉnh Phú Yên (nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý) với các nội dung như sau:

1. Điều chỉnh tăng, giảm kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đối với các dự án đã được giao trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020 với số tiền là 197,9 tỷ đồng (*chi tiết phụ lục 01 kèm theo*).

2. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đối với nguồn thuế nhà thầu dự án Nhà máy lọc dầu Vũng Rô với số tiền là 2.000 tỷ đồng.

3. Bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 nguồn cân đối ngân sách tỉnh với số tiền là 4.500 tỷ đồng từ nguồn thu tiền sử dụng đất (*chi tiết phụ lục 02, 03 kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 nguồn cân đối ngân sách tỉnh theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, văn bản hướng dẫn của Chính phủ và các Bộ, ngành có liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có những vấn đề phát sinh, Hội đồng nhân dân tỉnh ủy quyền cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VII, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Tấn Việt

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020**

(Kèm theo Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

	TÊN DỰ ÁN	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 đã giao theo Nghị quyết 56/NQ-HĐND	Điều chỉnh vốn trung hạn giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
	TỔNG SỐ	325,400	-	325,400	
A	DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH GIẢM	207,900	(197,900)	10,000	
1	Dự án Xây dựng cơ sở 2 (giai đoạn 1) Trường Cao đẳng y tế	67,900	-67,900	-	Trường CĐ Y tế

CÔNG BÁO/Số 14+15/N ngày 27-7-2018

2	Dự án Trung tâm truyền thông sức khỏe		10,000	-10,000	-	BQLDADT XD Tỉnh
3	Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản		10,000	-10,000	-	BQLDADT XD Tỉnh
4	Duy tu, trung tu các khu di tích lịch sử		20,000	-10,000	10,000	VHTTDL
5	Phát triển đô thị bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu - Tiểu dự án thành phố Tuy Hòa		100,000	-100,000		BQLDADT XD Tỉnh
B	DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH TĂNG	117,500		197,900	315,400	
1	Dự án Cụm công viên, Đài tưởng niệm tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968		10,000	4,400	14,400	BQLDADT XD Tỉnh

2	Dự án Cải tạo, nâng cấp Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	12,000	9,940	21,940	BQLDADT XD Tỉnh
3	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	45,500	10,600	56,100	BQLDADT XD Tỉnh
4	Dự án Tuyến đường đi bộ dọc đường Độc Lập đoạn từ đường Điện Biên Phủ đến giáp khu Resort Thuận Thảo (bao gồm phần cải tạo Quảng Trường 1-4)	50,000	7,000	57,000	BQLDADT XD Tỉnh
5	Trường bắn, thao trường huấn luyện Bộ CHQS Tỉnh		56,760	56,760	Bộ CHQS Tỉnh
6	Doanh trại Sở Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh		9,200	9,200	Bộ CHBĐ Biên phòng Tỉnh

CÔNG BÁO/Số 14+15/N ngày 27-7-2018

7	Xây dựng hồ điều hòa Hồ Sơn và hạ tầng xung quanh		100,000	100,000	BQLDADT XD Tỉnh
---	---	--	---------	---------	--------------------

Phụ lục 2

**DANH MỤC DỰ ÁN BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2016-2020
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

	TÊN DỰ ÁN	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án (nếu có)	Tổng mức đầu tư/ TMĐT dự kiến	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 đã giao			Bổ sung trung hạn 2016-2020 ngân sách tỉnh	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 sau bổ sung nguồn ngân sách tỉnh	Chủ đầu tư/chủ chương trình
					Tổng số	NSTW	NSDP			
	TỔNG SỐ			7,399,660	1,944,299	1,106,996	757,303	2,720,000	3,477,303	
A	Chương trình bê tông GTNT và hẻm phố			237,344	-	-	-	236,000	236,000	
I	Chương trình bê tông hóa đường GTNT các xã miền núi Phú Yên		1280/QĐ-UBND, 27/6/2017	195,787				195,000	195,000	Sở Giao thông Vận tải

CÔNG BÁO/Số 14+15/Ngày 27-7-2018

	giai đoạn 2017-2020									
II	Chương trình bê tông hẻm phố tại các đô thị trên địa bản tỉnh giai đoạn 2017- 2020	1772/QĐ- UBND, 12/9/2017	41,557				41,000	41,000	Sở Xây dựng	
B	KHỐI TỈNH QUẢN LÝ		3,002,144	538,540	-	538,540	1,750,000	2,288,540		
B1	THANH TOÁN NỢ, THU HỒI ỨNG		-	20,000	-	20,000	157,095	177,095		
1	Bổ trí thanh toán nợ các dự án phê duyet quyết toán dự án hoàn thành			20,000		20,000	30,000	50,000	Chi tiết phân bổ sau	
2	Trả nợ Đề án bê tông hóa GTNT theo Nghị quyết 75/2013/NQ- HĐND						109,628	109,628		
3	Mua sắm thiết bị văn phòng dự án Trụ sở làm việc cơ quan						17,467	17,467	VPTU	

	Đảng									
B2	QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT							130,000	130,000	
B3	THỰC HIỆN DỰ ÁN		3,002,144	518,540	-	518,540	1,462,905	1,981,445		
I	DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC GIAO KẾ HOẠCH TRUNG HẠN		1,000,769	518,540	-	518,540	342,817	861,357		
1	Trường THPT Nguyễn Văn Linh giai đoạn 1	343/QĐ-UBND ngày 26/02/15	25,042	12,540		12,540	6,712	19,252	BQLDADT XD Tỉnh	
2	Mua sắm máy móc, trang thiết bị, mô hình mô phỏng cho giảng dạy lý thuyét và thực hành ở cơ sở 1 - Trường Cao đẳng Y Tế	543/QĐ-UBND ngày 20/3/2017	10,631	5,200		5,200	5,105	10,305	Trường Cao đẳng Y tế	

CÔNG BÁO/Số 14+15/Ngày 27-7-2018

3	Trường THPT Trần Phú	200/HĐND-KTNS, 03/7/2018		30,000	10,000		10,000	17,000	27,000	BQLDADT XD Tỉnh
4	Dự án Tuyển đường đi bộ dọc đường Độc Lập đoạn từ đường Điện Biên Phủ đến giáp khu Resort Thuận Thảo (bao gồm phần cải tạo Quảng Trường 1-4)		2899/QĐ-UBND ngày 01/12/16	68,475	50,000		50,000	10,000	60,000	BQLDADT XD Tỉnh
5	Hạ tầng kỹ thuật Khu Đô thị mới Nam thành phố Tuy Hòa (Giai đoạn 1)	15/QĐ-HĐND	2031/QĐ-UBND ngày 26/8/2016	318,937	234,000		234,000	84,000	318,000	BQLKKT
6	Sàn nền Khu tri thức và đầu tư đoạn đường số 06, đoạn đường Phan Chu Trinh thuộc Khu đô thị mới Nam thành phố	102/HĐND-KTNS	1876/QĐ-UBND ngày 26/9/2017	155,907	30,000		30,000	120,000	150,000	BQLKKT

	Tuy Hòa									
7	Dự án Công viên ven biển thành phố Tuy Hoà (đoạn từ cảng cá phường 6 đến đường Nguyễn Huệ và đoạn từ Khu resort Thuận Thảo đến Hội Nông Dân Tỉnh)		QĐ 2110/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	218,852	110,000		110,000	100,000	210,000	BQLDADT XD Tỉnh
II	DỰ ÁN CHƯA ĐƯỢC GIAO KẾ HOẠCH TRUNG HẠN			2,001,375	0	0	0	1,120,088	1,120,088	
a)	Danh mục các dự án đang thực hiện, đã bổ sung hoặc ứng kế hoạch vốn, chưa có kế			29,654	-	-	-	26,088	26,088	

CÔNG BÁO/Số 14+15/Ngày 27-7-2018

	hoạch trung hạn									
1	Gia cố tạm thời kê bờ bắc công trình chỉnh trị cửa sông Đà Nông	số 742/TB-UBND ngày 26/9/2016; số	44/QĐ-BQL-ĐN ngày 18/4/2017	14,980				12,088	12,088	BQLDADT XD Tỉnh
2	Chống sạt lở bờ sông Ba khu vực bờ tả kênh chính Nam đoạn Km6+900 thuộc hệ thống thủy nông Đồng Cam	số 1881/QĐ-UBND ngày 26/9/2017;	số 149/QĐ-SKHĐT ngày 30/10/2017	14,674				14,000	14,000	BQLDADT XD Tỉnh
b)	Danh mục dự án ưu tiên thực hiện để tạo nguồn đầu tư, dự án cấp bách, dự án theo ý kiến chỉ đạo lãnh đạo Tỉnh			1,825,556	-	-	-	1,026,000	1,026,000	

1	Đường Nguyễn Văn Huyền giai đoạn 2 (đoạn từ Cổng trường Đại học Phú Yên đến đường Trần Hào và một số đoạn nối từ đường Hùng Vương – đường Nguyễn Văn Huyền)	2159/QĐ-UBND, 02/11/2017	QĐ 683/QĐ-UBND ngày 09/4/2018	23,309				20,000	20,000	BQLDADT XD Tỉnh
2	Dự án Đường Nguyễn Hữu Thọ (đoạn Phía Tây Bệnh viện đến Nguyễn Tất Thành) (xây lắp)	228/HĐND-KTNS, 16/8/2017	QĐ 2121/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	87,875				46,000	46,000	BQLDADT XD Tỉnh
3	Đầu tư xây dựng 02 tuyến đường N2, N3 (đoạn từ đường Độc Lập – Lê Duẩn) TP Tuy Hòa	736/QĐ-UBND, 16/4/2018		13,396				10,000	10,000	BQLDADT XD Tỉnh

4	Trung tâm KT-TH-HN tỉnh Phú Yên	12/HĐND-KTNS, 10/1/2018		57,988				50,000	50,000	BQLDADT XD Tỉnh
5	Kè chống sạt lở, bồi lấp cửa Đà Diên	65/HĐND-KTNS ngày 21/3/2018		800,000				100,000	100,000	BQLDADT XD Tỉnh
6	Kè chống sạt lở bờ tả sông Ba kết hợp với phát triển hạ tầng đô thị đoạn từ cầu Đà Rằng mới đến cầu Đà Rằng cũ	93/HĐND-KTNS ngày 10/4/2018		816,000				780,000	780,000	BQLDADT XD Tỉnh
7	Dự án Nhà tang lễ Tỉnh (giai đoạn 1)	262/QĐ-UBND, 02/2/2018		26,988				20,000	20,000	BQLDADT XD Tỉnh
c)	Các dự án dự kiến khởi công mới khác			146,165	-	-	-	68,000	68,000	
1	Dự án Nâng cấp cảng cá Tiên Châu	472/QĐ-UBND ngày 09/03/2018		14,897				4,000	4,000	Sở NNPTNT

2	Dự án Tăng cường năng lực giám định dịch hại cây trồng và phân tích dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trên nông sản	793/QĐ-UBND, ngày 23/4/2018		4,837				3,000	3,000	Sở NNPTNT
3	Phòng khám đa khoa thực hành - Trường cao đẳng Y tế Phú Yên	444/QĐ-UBND, 2/3/2018		19,053				10,000	10,000	Trường Cao đẳng Y tế
4	Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng Phú Yên (giai đoạn 1)	2140/QĐ-UBND, 30/10/2015; 2433/QĐ-UBND, 13/11/2016	132/QĐ-SKHĐT, ngày 29/12/2006 của Sở KHĐT	9,988				3,000	3,000	BQLDADT XD Tỉnh
5	Đầu tư tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, trang thiết bị cho Trung tâm ứng dụng và chuyển giao công nghệ Phú Yên (giai đoạn 1)	2583/QĐ-UBND ngày 28/10/16		4,652				2,000	2,000	BQLDADT XD Tỉnh

6	Trạm kiểm soát Biên phòng Hòa Lợi, đồn Biên phòng Xuân Thịnh (344) thuộc Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Phú Yên	2044/QĐ-UBND ngày 19/10/2017		3,800				2,000	2,000	Bộ CHBĐ Biên phòng Tỉnh
7	Trụ sở làm việc Trạm thủy nông kênh Bắc	1806/QĐ-UBND ngày 14/9/2017		3,000				2,000	2,000	Công ty TN Đồng Cam
8	Đường từ KCN Hòa Hiệp 1 đến Bắc cầu Đà Nông (giai đoạn 2), đoạn Km15+910,63 - Km17+70	2329/TB-UBND ngày 27/11/2017	-	58,000				35,000	35,000	BQLDADT XD Tỉnh
9	Dự án Sửa chữa, mở rộng và nâng cấp, cơ sở vật chất Tòa soạn Báo Phú Yên	750/QĐ-UBND, 18/4/2018		17,938				4,000	4,000	BQLDADT XD Tỉnh

10	Cơ sở làm việc Công an 03 thị trấn: Hòa Vinh, Hòa Hiệp Trung thuộc CA huyện Đông Hòa và thị trấn Phú Thứ thuộc CA huyện Tây Hòa	1302/QĐ-UBND, 28/6/2018		10,000				3,000	3,000	Công an Tỉnh
C	DANH MỤC SỬ DỤNG VỐN HỖ TRỢ MỤC TIÊU NSTW			4,051,433	1,401,909	1,106,996	214,913	553,000	767,913	
I	Các dự án đang triển khai thực hiện			3,227,355	1,369,787	1,074,874	214,913	513,000	727,913	
1	Nâng cấp hồ chứa nước Lỗ Ân	339/QĐ-UBND ngày 25/02/2009; số 1842/QĐ-UBND ngày 18/10/2014		107,080	63,345	48,345	15,000	15,000	30,000	BQLDADT XD Tỉnh

2	Tuyến đường tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn nổi các huyện, thành phố: Tây Hòa, Phú Hòa, thành phố Tuy Hòa và Tuy An (cầu Dinh Ông)		1799/QĐ-UBND, 31/10/14	507,617	363,904	236,437	67,467	90,000	157,467	BQLDADT XD Tỉnh
3	Tuyến Quốc lộ 1A (Đông Mỹ) đến KCN Hòa Hiệp - giai đoạn 1	674/TB-UBND	1752/QĐ-UBND ngày 26/10/2012	375,293	116,000	72,000	44,000	50,000	94,000	BQLKKT
4	Đầu tư cơ sở hạ tầng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên (giai đoạn 1)	19/QĐ-UBND, 29/10/2015	2142/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	520,000	206,446	156,000	50,446	50,000	100,446	BQL KNN UDCNC
5	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Đông Tác	15/QĐ-HĐND ngày 29/10/2015	1118/QĐ-UBND ngày 27/5/2016	85,847	25,000	25,000		40,000	40,000	BQLDADT XD Tỉnh
6	Trung tâm giống thủy sản nước mặn tỉnh Phú Yên	16/QĐ-HĐND ngày 29/10/2015	2132/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	61,000	16,807	16,807		20,000	20,000	BQLDADT XD Tỉnh

7	Đầu tư, bổ sung hoàn thiện cơ sở vật chất Trường Đại học Phú Yên		2151/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	80,380	41,000	28,000	13,000	15,000	28,000	BQLDADT XD Tỉnh
8	Dự án: Kho Lưu trữ tỉnh Phú Yên		695/QĐ-UBND, 30/3/2016	60,590	22,000	16,000	6,000	30,000	36,000	BQLDADT XD Tỉnh
9	Dự án Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Phú Yên		714/QĐ-UBND, 30/10/2016	50,000	22,000	18,000	4,000	15,000	19,000	BQLDADT XD Tỉnh
10	Rà phá bom mìn, vật liệu nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn Tỉnh Phú Yên giai đoạn 2012-2015		3121/QĐ-UBND 30/10/2015	31,484	13,000	13,000		18,000	18,000	Bộ CHQS Tỉnh
11	Kè chống xói lở khu dân cư phường Xuân Thành		10741/QĐ-UBND, 30/10/2015	68,830	17,000	17,000		10,000	10,000	UBND TX Sông Cầu
12	Đầu tư hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản Long Thạnh	29/QĐ-UBND, 30/10/2015	10742/QĐ-UBND, 30/10/2015	117,200	25,000	25,000		10,000	10,000	UBND TX Sông Cầu

13	Đường nội thị trục D5, thị trấn Hòa Vinh huyện Đông Hòa; đoạn từ nút giao N4A đến QL1A		1809/QĐ-UBND, 31/12/14	19,320	7,900	7,900		10,000	10,000	UBND huyện Đông Hòa
14	Tuyến đường Phước Tân - Bãi Ngà đoạn qua nhà máy lọc dầu Vũng Rô	08/TB-UBND	1785/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	489,003	150,000	150,000		40,000	40,000	BQLKKT
15	Hạ tầng Khu Tái định cư Hòa Tâm	17/QĐ-HĐND	2279/QĐ-UBND ngày 21/11/2017	349,823	167,000	152,000	15,000	15,000	30,000	BQLKKT
16	Nạo vét thoát lũ sông Bao Đài đoạn từ xi phông Phước Hậu đến cầu Trần Hưng Đạo	197/HĐND-KTNS ngày 20/7/2017	2082/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	150,000	40,000	20,000		45,000	45,000	BQLDADT XD Tỉnh
17	Hồ chứa nước Mỹ Lâm (phần hệ thống kênh tưới)	1109/QĐ-BNN-KH ngày 31/3/2017	3911/QĐ-BNN-XD ngày 29/9/2017	153,888	73,385	73,385		40,000	40,000	BQLDADT XD Tỉnh

II	Các dự án chưa khởi công thực hiện			824,078	32,122	32,122	0	40,000	40,000	
1	Bảo vệ và Phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Phú Yên	281/HĐND-KTNS ngày 26/10/2016	2033/QĐ-UBND ngày 18/10/2017	71,810	4,000	4,000		5,000	5,000	Sở NNPTNT
2	Tuyên nôi QL1A đến Khu xử lý rác thải, nước thải và chất thải nguy hại của Khu kinh tế Nam Phú Yên	14/QĐ-HĐND	1466/QĐ-UBND ngày 25/7/2017	359,668	6,000	6,000		5,000	5,000	BQLKKT
3	Kè biển An Chấn	04/QĐ-HĐND ngày 31/3/2016	2555/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 (giai đoạn 1);	80,000	3,000	3,000		10,000	10,000	BQLDADT XD Tỉnh
4	Sửa chữa, nâng cấp Trung tâm chuyên khoa đa liễu tỉnh Phú Yên	16/QĐ-HĐND, 01/7/2016		57,600	4,000	4,000		5,000	5,000	BQLDADT XD Tỉnh
5	Hệ thống đường giao thông phục vụ cụm công nghiệp Ba Bản, huyện	2582/QĐ-UBND ngày 28/10/2016		80,000	3,000	3,000		5,000	5,000	UBND huyện Sơn Hòa

CÔNG BÁO/Số 14+15/N ngày 27-7-2018

	Son Hòa									
6	Tuyến đường dọc Vịnh Xuân Đài-Nhất Tự Sơn	27/QĐ-HĐND, 30/10/2015		85,000	6,000	6,000		5,000	5,000	UBND TX Sông Cầu
7	Đường ven Vịnh Xuân Đài, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên (đoạn từ Bãi Tắm Bàn Than đến khu du lịch Nhất Tự Sơn)	28/QĐ-HĐND, 30/10/2015		90,000	6,122	6,122		5,000	5,000	UBND TX Sông Cầu
D	KHỐI HUYỆN QUẢN LÝ			108,740	3,850	0	3,850	21,000	24,850	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN			108,740	3,850	0	3,850	21,000	24,850	
1	Nâng cấp tuyến đường giao thông ĐT 643 (cũ) đoạn xã An Mỹ-An Thọ huyện Tuy An	58/QĐ-UBND ngày 09/01/2017	87/QĐ-SKHĐT ngày 27/7/2017	11,200	3,850		3,850	3,000	6,850	UBND huyện Tuy An

2	Di dời dân cư khỏi khu vực bị ảnh hưởng do sạt lở Núi Nhạn, p.1, TP Tuy Hòa (CĐT: UBND TP TH)	2427/QĐ-UBND; 12/10/2016		25,000				4,500	4,500	UBND TP Tuy Hòa
3	Xây dựng đường Lê Lợi nổi dài	1609/QĐ-UBND, ngày 18/08/2017	146/QĐ-UBND tỉnh; 27/10/2017	2,566				2,500	2,500	UBND TP Tuy Hòa
4	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Trụ sở làm việc huyện ủy Huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên	2509/QĐ-UBND, 22/12/2017		10,303				2,000	2,000	UBND huyện Sơn Hòa
5	Xây dựng hệ thống thoát nước dọc đường Trần Phú, thành phố Tuy Hòa, đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến đường Mậu Thân	1608/QĐ-UBND, ngày 18/08/2017	136/QĐ-SKHĐT, ngày 18/10/2017	968				900	900	UBND TP Tuy Hòa

6	Hệ thống điện chiếu sáng đoạn đường dẫn và cầu vượt đường sắt thị trấn Chí Thạnh	1040/QĐ-UBND ngày 25/5/2017		4,323				2,000	2,000	UBND huyện Tuy An
7	Tu bổ, phục hồi, xây dựng mới di tích lịch sử - văn hóa: Văn Miếu Tuy Hòa	710/QĐ-UBND ngày 13/4/2018		14,500				2,000	2,000	UBND huyện Phú Hòa
8	Cải tạo, mở rộng Trụ sở làm việc UBND huyện Đồng Xuân	840/QĐ-UBND ngày 27/4/2018		19,979				2,100	2,100	UBND huyện Đồng Xuân
9	Đường nội thị Hòa Hiệp Trung - Hòa Hiệp Nam (Đoạn từ QL29 đến Khu phố Phú Thọ 3, Hòa Hiệp Trung)	1333/QĐ-UBND, 04/7/2018		19,901				2,000	2,000	UBND huyện Đông Hòa
E	DỰ PHÒNG							160,000	160,000	phân bổ sau

Phụ lục 3

**DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN
BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2016-2020
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

	TÊN DỰ ÁN	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 đã giao			Bổ sung trung hạn 2016-2020 ngân sách địa phương	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 sau bổ sung nguồn ngân sách địa phương	Chủ đầu tư/chủ chương trình
		Tổng số	NSTW	NSĐP			
	TỔNG SỐ	77,760	-	77,760	1,780,000	1,857,760	
A	KHÔI TỈNH QUẢN LÝ	67.960	-	67.960	1.762.000	1.829.960	
1	Trường Chính trị Tỉnh	15.000		15.000	100.000	115.000	BQLDADTXD Tỉnh

2	Trường THPT chuyên Lương Văn Chánh	52.960	52.960	52.960	BQLDADTXD Tỉnh	
3	Không gian công cộng ven biển khu vực nút giao thông đường Nguyễn Hữu Thọ và đường Độc Lập			75.000	75.000	BQLDADTXD Tỉnh
4	Đường Văn Huyền giai đoạn 3 (đoạn từ đường Trần Hào – đường 14)			30.000	30.000	BQLDADTXD Tỉnh
5	Xử lý khẩn cấp mái kè gói thầu số 07 hạng mục Kè bờ Nam thuộc dự án chống sạt lở bờ Nam hạ lưu sông Đà Rằng			43.000	43.000	BQLDADTXD Tỉnh
6	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư phía Nam thuộc khu đô thị mới Nam thành phố Tuy Hòa.			450.000	450.000	BQLKKT
7	Xây dựng đường Trần Phú nối dài và hạ tầng kỹ thuật 2 bên đường			200.000	200.000	BQLDADTXD Tỉnh
8	Xây dựng hồ điều hòa Hồ Sơn và hạ tầng xung quanh			260.000	260.000	BQLDADTXD Tỉnh
9	Dự án San lấp mặt bằng và bồi thường giải phóng mặt bằng Khu NNUDCNC(gđ 1)			25.000	25.000	BQLKNNUDCNC
10	Trung tâm văn hóa triển lãm, nhà hát Tỉnh			100.000	100.000	BQLDADTXD Tỉnh
11	Đầu tư hạ tầng Khu dân cư phía Đông đường Hùng Vương và Trần Nhân Tông, Công viên trước cổng trường ĐH Phú Yên			50.000	50.000	BQLDADTXD Tỉnh
12	Sửa chữa trụ sở làm việc UBND tỉnh			18.000	18.000	BQLDADTXD Tỉnh

13	Nâng cấp, cải tạo và xây dựng hạng mục Nhà ở học viện thuộc Trường Quân sự địa phương tỉnh Phú Yên				2.000	2.000	Bộ CHQS tỉnh
14	Tuyên tránh trú bão Sông Cầu – Đồng Xuân giai đoạn 2				45.000	45.000	BQLDADTXD Tỉnh
15	Nút giao thông khác mức đường Hùng Vương – Quốc lộ 1				150.000	150.000	Sở GTVT
16	Nút giao thông khác mức đường số 2 khu đô thị Nam thành phố Tuy Hòa – Đường Nguyễn Văn Linh				200.000	200.000	Sở GTVT
17	Đổi mới và nâng cấp chất lượng giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2016-2020 tỉnh Phú Yên				4.000	4.000	Trường Cao đẳng nghề
18	Xây dựng Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Yên				10.000	10.000	Sở Y tế
B	KHỐI HUYỆN QUẢN LÝ	9.800	0	9.800	18.000	27.000	
1	Sửa chữa cầu Xuân Bình – Xuân Hải	9.800		9.800	4.000	13.800	UBND thị xã Sông Cầu
2	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Phú nối dài (đoạn từ Trường THPT Phan Bội Châu đến ngã tư giao đường Trần Phú Nối Quốc lộ 25)				2.000	2.000	UBND huyện Sơn Hòa
3	Đầu tư mới cầu Vạn Kiếp phường 6 TP Tuy Hòa				2.000	2.000	UBND TP Tuy Hòa
4	Đường dẫn từ cầu Bến Lớn đi bãi rác và cụm công nghiệp Nam Bình 1, xã Hòa Xuân Tây, huyện Đông Hòa				2.000	2.000	UBND huyện Đông Hòa

5	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường La Hai – Đồng Hội (đoạn từ La Hai đến suối nước nóng), huyện Đồng Xuân			2.000	2.000	UBND huyện Đồng Xuân
6	Đường nội thị trung tâm thị trấn Phú Thứ (giai đoạn 2), đoạn từ Km0+129 (tại bệnh viện Tây Hòa) đến giáp đường ĐT 1 tại Km1+277,1 (phần mặt đường, vỉa hè)			2.000	2.000	UBND huyện Tây Hòa
7	Đường vào cụm công nghiệp thị trấn Phú Hòa			2.000	2.000	UBND huyện Phú Hòa
8	Trung tâm văn hóa đa năng thị xã Sông Cầu			2.000	2.000	UBND TX Sông Cầu